

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TH1 PHỐ TN
TỈNH TN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 205/2022/HSST
Ngày 16/8/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TH1 PHỐ TN

- Th1 phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Huy

2. Bà Trần Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Ma Thị Huyền Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân Th1 phố TN

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Th1 phố TN, tỉnh TN tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vân- Kiểm sát viên.

Ngày 16/8/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 130/2022/HSST ngày 17/5/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 186/2022/QĐXXST-HS ngày 06/7/2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Tuấn L**, sinh ngày 12/12/1998

Nơi cư trú xóm T.Th, xã Q.T, thành phố TN. Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 9/12. Con ông Lê Thanh B, sinh năm 1975, con bà Lò Thị Th, sinh năm 1975. Bị cáo là con duy nhất trong gia đình, bị cáo chưa có vợ con. T án, T sự: Không. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa)

Bị hại: Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ H.S. Địa chỉ tổ 11, phường T.Đ, thành phố TN.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hải S, sinh năm 1965, chức vụ: Giám đốc

Người đại diện ủy quyền: Bà Tạ Thị H, sinh năm 1976, chức vụ Phó giám đốc, văn bản ủy quyền ngày 31/5/2021. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Vũ Đại Th1, sinh năm 1980, trú tại tổ 08, phường T.Đ, Thành phố TN (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

2. Chị Trần Thị Ng, sinh năm 1986, trú tại tổ 08, phường T.Đ, Thành phố TN (Có đơn xin vắng mặt);

3. Anh Lục Huy P, sinh năm 1976, trú tại tổ 15, phường T.Th, Thành phố TN (Có đơn xin vắng mặt);

4. Chị Nguyễn Thị Thuý H, sinh năm 1977, trú tại tổ 15, phường T.Th, Thành phố TN. (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

5. Anh Phùng Trọng Mạnh D, sinh năm 1987, trú tại tổ 06, phường Q.V, Thành phố TN. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

6. Ông Lê Thanh B, sinh năm 1975. Địa chỉ xóm T.Th, xã Q.T, Thành phố TN (Có mặt)

Người làm chứng:

- Anh Nguyễn Hữu PH, sinh năm 1991, trú tại tổ 05, phường P.Đ.P, Thành phố TN (Vắng mặt);

- Anh Dương Hoàng G, sinh năm 1991, trú tại tổ 04, phường T.Th, Thành phố TN (Vắng mặt);

- Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1995, trú tại tổ 05, phường T.L , Thành phố TN (Vắng mặt)

- Anh Vũ Trọng Đ, sinh năm 2000, trú tại tổ 05, phường T.L , Thành phố TN. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ thương mại H.S (gọi tắt là Công ty H.S) có trụ sở tại tổ 11, phường T.Đ, Thành phố TN, được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh TN cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 12/12/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 19/3/2020 do ông Nguyễn Hải S (sinh năm 1965, trú tại tổ 11, phường T.Đ, Thành phố TN) làm giám đốc. Ngày 01/01/2019 Công ty H.S ký hợp đồng lao động với Lê Tuấn L với nội dung thuê L lái xe và bốc xếp hàng, giao hàng, trường hợp được giao nhiệm vụ thu T hàng thì cuối ngày nộp về cho kế toán công ty. Thời hạn hợp đồng là 1 năm (Kể từ ngày 01/01/2019 đến ngày 01/01/2020) với mức lương 3.500.000 đồng/1 tháng + doanh số bán hàng + hỗ trợ kỹ thuật lái xe nâng cầu hàng ra vào kho là 500.000 đồng + hỗ trợ trách nhiệm thu, thanh toán tiền hàng là 500.000 đồng.

Sau khi ký hợp đồng, Công ty H.S giao cho L làm lái xe giao, nhận hàng và thu T hàng của khách sau đó mang về nộp lại cho công ty vào cuối buổi chiều trong ngày. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao có 03 lần L nhận hàng của công ty chở đi giao rồi thu tiền của khách hàng nhưng không nộp tiền về công ty mà chi tiêu, sử dụng vào mục đích cá nhân cụ thể:

- Lần thứ 1: Ngày 29/4/2019 Công ty H.S làm thủ tục xuất hàng và giao nhiệm vụ cho L vận chuyển đến giao cho khách hàng Game 1057 ở số 1057, phường P.X, Th1 phố TN, do anh Phùng Trọng Mạnh D (sinh năm 1987, trú tại

tổ 6, phường Q.V, thành phố TN) làm chủ, với số lượng: 05 két Sting đỏ, 04 két Sting vàng, 02 két Dew, 02 két Pepsi, 01 thùng Milinda soda kem, 01 thùng Milinda (lon), 01 két Sting Cofee, kèm theo theo hàng khuyến mại gồm: 02 chai Sting đỏ, 09 chai Revie vàng. Tổng giá trị đơn hàng là 1.487.000 đồng, sau khi nhận hàng anh D đã thanh toán đủ T hàng cho L, nhưng L không nộp về công ty mà sử dụng chi tiêu cá nhân hết rồi báo công ty là khách hàng còn nợ chưa thanh toán.

- Lần thứ 2: Ngày 07/5/2019 Công ty H.S làm thủ tục xuất hàng và giao nhiệm vụ cho L vận chuyển đến giao cho khách hàng Căng tin A.Tr tại trường Cao đẳng Kinh tế tài chính, thuộc tổ 16, phường T.Đ, TP TN, do anh Vũ Đại Th1 (sinh năm 1980, trú tại tổ 8, phường T.Đ, thành phố TN) làm chủ, với số lượng: 03 thùng Coffee Pet 330ml, 03 thùng Sting đỏ, 05 thùng Sting vàng, 03 thùng Lipton trà chanh 455, 03 thùng Ô long chanh 455, 01 thùng sữa trái cây Twister dâu, 01 thùng sữa trái cây Twister cam, 01 thùng Twister 350, 01 thùng Mirinda soda kem, kèm theo hàng khuyến mại gồm: 09 chai Sting đỏ, 03 chai Aquafina 500, 01 lon 7 up. Tổng giá trị đơn hàng là 3.318.000 đồng, sau khi nhận hàng vợ anh Th1 là chị Trần Thị Ng (sinh năm 1986, trú tại tổ 8, phường T.Đ, TP TN) đã thanh toán đủ tiền hàng cho L, nhưng L không nộp về công ty mà sử dụng chi tiêu cá nhân hết rồi báo công ty là khách hàng còn nợ chưa thanh toán.

- Lần thứ 3: Ngày 22/5/2019 Công ty H.S làm thủ tục xuất hàng và giao nhiệm vụ cho L vận chuyển đến giao cho khách hàng Huy P ở tổ 9, phường T.L, TP phố TN, do anh Lục Huy P (Sinh năm 1976, trú tại tổ 15, phường T.Th, Th1 phố TN) làm chủ, với số lượng 10 thùng Twister 350, 20 thùng Sting đỏ. Tổng giá trị đơn hàng là 4.920.000 đồng, sau khi nhận hàng vợ anh P là chị Nguyễn Thị Thúy H (sinh năm 1977, trú tại tổ 15, phường T.Th, TP phố TN) đã thanh toán đủ T hàng cho L, nhưng L không nộp về công ty mà sử dụng chi tiêu cá nhân hết rồi báo công ty là khách hàng còn nợ chưa thanh toán.

Tại bản Kết luận giám định số 1295 ngày 30/8/2021 của Phòng kỹ thuật Hình sự, Công an tỉnh TN, kết luận: Chữ viết trên mẫu cần giám định (Ký hiệu: A1) so với chữ viết trên mẫu so sánh (Ký hiệu: M1, M2) không phải do cùng một người viết ra; Chữ viết trên mẫu cần giám định (Ký hiệu: A1 đến A5) so với mẫu so sánh (Ký hiệu: M3 đến M6) do cùng một người viết ra

Tại bản kết luận số 418 ngày 27/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Th1 phố TN, kết luận: Tổng giá trị tài sản kê tại các đơn hàng ngày 29/4/2019, 07/5/2019, 22/5/2019 là 9.725.000 đồng.

Quá trình điều tra Lê Tuấn L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, lời khai nhận tội của L phù hợp với chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Đơn trình báo, hợp đồng lao động, hóa đơn xuất kho hàng hóa của công ty H.S, kết luận giám định, kết luận định giá tài sản, lời khai

của người bị hại, lời khai của người làm chứng, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Vật chứng vụ án: Số tiền 9.725.000 đồng, ngày 20/6/2021 anh Lê Thanh B (bố đẻ của Lê Tuấn L) bồi thường khắc phục thay cho L, Cơ quan điều tra đã trả cho Công ty H.S. Sau khi nhận lại tài sản Công ty H.S không có yêu cầu đề nghị gì khác.

Phần dân sự: Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo tác động gia đình đã bồi thường toàn bộ số T, ông Lê Tuấn B (bố đẻ bị cáo) không yêu cầu bị cáo phải trả lại số T do ông đã nộp thay; Công ty TNHH dịch vụ thương mại H.S không yêu cầu gì khác. Phần dân sự đã giải quyết xong.

Tại bản cáo trạng số 141/CT-VKSTPTN ngày 16/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân TP phố TN truy tố Lê Tuấn L về tội “tham ô tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự.

Trong phần luận tội đối với bị cáo, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân TP TN giữ nguyên quan điểm truy tố. Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Lê Tuấn L phạm tội Tham ô tài sản. Đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự, điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt Lê Tuấn L từ 5 năm đến 5 năm 6 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Phần dân sự: Các bên đã giải quyết xong. Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách nhà nước.

Phần tranh luận Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, nhất trí với đánh giá luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Tại lời nói sau cùng bị cáo có ý kiến do nhận thức về pháp luật bị cáo còn hạn chế, bị cáo ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng mức thấp nhất để sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố TN, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

Người bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng vắng mặt. Hội đồng xét xử thấy rằng

trong quá trình điều tra người bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đã có lời khai rõ ràng, đầy đủ. Việc vắng mặt họ không ảnh hưởng đến việc xét xử, tính khách quan của vụ án, phù hợp với quy định tại Điều 292 và Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2]. Trong suốt quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã mô tả, bị cáo xác định Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân TP TN truy tố là đúng người, đúng tội. Lời nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa là tự nguyện, khách quan, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập đúng trình tự quy định của pháp luật như: Hợp đồng lao động, quy trình hoạt động kinh doanh của công ty, hóa đơn bán hàng, phiếu xuất kho bán hàng, sổ xuất hàng, phiếu kê T, phiếu giao nhận và thanh toán... Kết luận giám định chữ viết, kết luận định giá của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự; lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng.

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định: Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ thương mại H.S (Công ty H.S) được Phòng đăng ký kinh doanh -Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh TN cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số doanh nghiệp: 4601529518 (đăng ký lần đầu ngày 12/12/2018; đăng ký thay đổi lần thứ 1, ngày 19/03/2020). Địa chỉ trụ sở số 599, đường Q, tổ 11, phường T.Đ, TP TN, tỉnh TN. Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 01/01/2020 Công ty TNHH, dịch vụ thương mại H.S có ký hợp đồng lao động với Lê Tuấn L. Trong thời gian làm việc Lê Tuấn L được Công ty giao nhiệm vụ làm lái xe, bốc xếp hàng, giao hàng của Công ty đến các đại lý để giao hàng và thực hiện việc thu T hàng, thu các mã nợ của khách hàng về nộp cho công ty theo quy định. Lợi dụng quyền hạn được giao Lê Tuấn L đã chiếm đoạt tài sản của Công ty H.S do L có trách nhiệm quản lý với tổng trị giá tài sản là 9.725.000 đồng rồi sử dụng tiêu sài cá nhân hết sau đó báo cáo Công ty H.S khách hàng còn nợ, cụ thể: Ngày 29/4/2019 L chiếm đoạt 1.487.000 đồng; ngày 07/5/2019 L chiếm đoạt 3.318.000 đồng; ngày 22/5/2019 L chiếm đoạt 4.920.000 đồng, đến thời điểm xét xử bị cáo đã bồi thường toàn bộ số T chiếm đoạt trên cho Công ty TNHH dịch vụ thương mại H.S.

[3]. Đánh giá của Hội đồng xét xử: Do bị cáo là nhân viên hợp đồng của Công ty TNHH dịch vụ thương mại H.S, bị cáo có đủ nhận thức và năng lực điều khiển hành vi, được nhận và được đọc nội quy của Công ty trước khi ký hợp đồng. Sau khi ký kết hợp đồng Công ty giao nhiệm vụ cho L lái xe, bốc xếp hàng, giao hàng và thu T hàng về cho công ty nhưng L đã lợi dụng quyền hạn của mình cố tình không thực hiện đúng theo hợp đồng đã ký kết.

Trong thời điểm từ ngày 29/4/2019 đến ngày 22/5/2019 L đã thực hiện chiếm đoạt số tiền hàng L đã thu hồi đối với 03 khách hàng để tiêu sài cá nhân. Tổng số T L chiếm đoạt là 9.725.000đ, hành vi trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu Th1 tội “Tham ô tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản

2 Điều 353 Bộ luật hình sự. Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân TP TN truy tố đối với Lê Tuấn L về tội danh và điều luật viện dẫn là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật

Nội dung điều 353 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng..., thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 7 năm đến 15 năm:

...

c, phạm tội từ 02 lần trở lên”

[4]. Xét tính chất, mức độ, hành vi của bị cáo: Xét tính chất vụ án là rất nghiêm trọng. Lợi dụng quyền hạn của mình bị cáo một mình trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội 3 lần, từ ngày 29/4/2019 đến ngày 25/5/2019 tự ý định đoạt số T 9.725.000đ của Công ty TNHH dịch vụ thương mại H.S tiêu xài cá nhân. Hành vi nêu trên của bị cáo không chỉ xâm phạm trực tiếp đến tài sản mà còn ảnh hưởng đến hoạt động và uy tín của Công ty H.S. Cũng từ đó cũng cho thấy có sự lỏng lẻo trong quản lý của Công ty H.S. Hội đồng xét xử thấy rằng đây cũng là một bài học kinh nghiệm trong công tác quản lý tại các công ty, doanh nghiệp nói chung trong tình hình hiện nay để tránh tình trạng gia tăng các tội phạm liên quan đến chức vụ quyền hạn trong phạm vi doanh nghiệp ngoài nhà nước.

[5]. Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

5.1. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo có nhân thân tốt, không có T án, T sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử Th1 khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải và đã tích cực tác động gia đình khắc phục toàn bộ số tiền bị cáo đã chiếm đoạt, ngoài ra ngày 17/6/2022 Công ty TNHH H.S có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

5.2. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xét bị cáo tuổi đời còn trẻ, nhận thức về pháp luật còn hạn chế. Bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối chiếu Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP, ngày 30/12/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thấy có căn cứ áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, cho bị

cáo hưởng lượng khoan hồng của pháp luật. Mức hình phạt của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp

[6]. Vật chứng của vụ án: Số tiền 9.725.000đ do Lê Tuấn L chiếm đoạt của Công ty TNHH dịch vụ thương mại H.S hiện đã được thu hồi trả lại cho công ty

[7] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo tác động gia đình đã bồi thường toàn bộ số tiền, ông Lê Thanh B (bố đẻ bị cáo) không yêu cầu bị cáo phải trả lại số T do ông đã nộp thay; Công ty TNHH dịch vụ thương mại H.S không yêu cầu gì khác. Phần dân sự đã giải quyết xong nên hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét.

[8] Về hình phạt bổ sung; án phí và quyền kháng cáo

- Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là hợp đồng lao động trong thời gian ngắn, không ổn định, tại địa phương không có tài sản gì riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách nhà nước.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố:

1. Bị cáo Lê Tuấn L, phạm tội “Tham ô tài sản”

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự, điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự

2. Xử phạt: Lê Tuấn L 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành bản án. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong

4. Vật chứng của vụ án: Số tiền 9.725.000đ(chín triệu, bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng) do Lê Tuấn L chiếm đoạt hiện đã được thu hồi trả lại cho Công ty TNHH dịch vụ thương mại H.S.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật Phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải nộp 200.000đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách nhà nước.

6. Quyền kháng cáo:Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự

Bị cáo có quyền kháng cáo kháng cáo đối với bản án sơ thẩm là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đối với người bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND Th1 phố TN;
- Công an Th1 phố TN;
- Chi cục THADSTPTN;
- Sở tư pháp tỉnh TN.
- Bị cáo; Bị hại; NCQLNVLQ
- Lưu HS; Lưu BP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thu Huệ